

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày 28 – 7 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Văn

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn K, sinh năm 1989 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh X và bà Lê Giang H; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự (01 lần): Ngày 11/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng; nhân thân (01 tiền sự và 02 tiền án): Ngày 24/12/2008, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đam Dơi áp dụng biện pháp đưa vào trường cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng; ngày 15/11/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt 02 năm tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” và ngày 09/02/2015, bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xử phạt 03 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2020 đến ngày 28/4/2020 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Chị Lê Thị C, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Khóm X, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Lê Giang H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Anh Hứa Văn K, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp T3, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 18/4/2020, bị cáo Nguyễn Tấn K điều khiển xe máy biển số 69C1-044.89 của ông Nguyễn Thanh X, bà Lê Giang H (giấy chứng nhận đăng ký mang tên Hứa Văn K) đi từ nhà thuộc ấp T, xã T1, huyện Đ đến thành phố C để uống thuốc cai nghiện ma túy. Khi đi đến khóm X, thị trấn Đ1, huyện Đ (đoạn vừa qua cầu Lung Lắm), bị cáo nhìn vào quầy bán thịt heo của chị Lê Thị C thấy không có người nên nảy sinh ý định vào tìm tài sản để trộm. Bị cáo đậu xe cách quầy bán thịt heo khoảng 6m, đi bộ vào trong quầy phát hiện chị C nằm ngủ trên giường, bị cáo đứng quan sát không thấy tài sản gì giá trị nên quay trở ra và lên xe chạy đi. Khi đi một đoạn khoảng 30m, bị cáo nhớ lại có nhìn thấy trên vách ở đầu giường chỗ chị C nằm ngủ treo 01 chiếc cặp và nghĩ trong cặp có tiền nên bị cáo đậu xe và đi bộ trở lại quầy bán thịt heo của chị C; bị cáo vào bên trong, đến chỗ giường chị C nằm ngủ, mở cặp lục tìm lấy 01 cái bóp (ví) nữ màu đen cầm ra xe và đi lên thành phố Cà Mau. Khi đến phường 8, thành phố Cà Mau, bị cáo mở bóp lấy hết tiền và ném bỏ cái bóp vào thùng rác ven đường (theo bị cáo, khi lấy tiền ra không có kiểm đếm, nhưng số tiền khoảng hơn 9.000.000 đồng; quá trình điều tra, chị C xác định số tiền vốn và bán thịt heo trong ngày khoảng 11.000.000 đồng để trong bóp; tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị C xác định số tiền bị mất là 10.000.000 đồng). Bị cáo đã dùng số tiền này mua ma túy sử dụng và chi xài cái nhân và còn lại là 4.800.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 30/CT-VKS ngày 13/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn K về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Chị Lê Thị C yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đã nhận bồi thường số tiền 10.000.000 đồng và không còn yêu cầu gì khác.

Ông Nguyễn Thanh X, bà Lê Giang H đã bồi thường cho chị C số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu trả lại.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội và ý kiến tranh luận: Khoảng 09 giờ ngày 18/4/2020, bị cáo Nguyễn Tấn K lợi dụng sự mất cảnh giác trong việc trông coi tài sản, đã lấy trộm của chị Lê Thị C số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị xét xử bị cáo K theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và tuyên bố bị cáo phạm tội “trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm

s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường xong nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Trả lại cho ông X chiếc xe máy biển số 69C1-04489 và giấy đăng ký xe mang tên Hứa Văn K.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động OPPO màu trắng, 01 Giấy phép lái xe và 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tấn K.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu trang màu nâu, 01 mũ bảo hiểm, 01 đôi dép quay hậu, 01 áo sơ mi dài tay và 01 quần Jaen.

- Đối với số tiền 4.800.000 đồng: Do ông X đã bồi thường cho bị cáo nên bị cáo đồng ý để cho ông X nhận nên ông X được nhận lại số tiền này.

Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu với lời khai tại Cơ quan điều tra là phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được, thể hiện: Khoảng 09 giờ ngày 18/4/2020, bị cáo Nguyễn Tấn K lợi dụng sự mất cảnh giác của chị Lê Thị C, đã lấy trộm của chị C số tiền 10.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng số: 30/CT-VKS ngày 13/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong thời gian qua, trên địa bàn huyện Đầm Dơi tình hình diễn biến của tội phạm đang có chiều hướng gia tăng, nhất là tội trộm cắp tài sản, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý

hoang mang, bất ổn trong cuộc sống và sinh hoạt của người dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của chị C; trước, trong và sau khi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo biết lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi bất chính, ý thức xem thường pháp luật cũng như muốn hưởng lợi trên công sức lao động của người khác nên bị cáo đã bất chấp thực hiện.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi sự việc xảy ra gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường cho chị C số tiền 10.000.000 đồng; chị C yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét, quyết định mức hình phạt.

Trong vụ án này, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Với tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly khỏi đời sống xã hội có thời hạn để giáo dục, cải tạo, răn đe bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời cũng là để cảnh tỉnh, cảnh báo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tránh nhiệm dân sự: Tài sản bị mất bị hại đã nhận lại và không yêu cầu thêm nên không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, đã thu giữ của bị cáo: Số tiền 4.800.000 đồng, 01 chiếc xe máy, biển số 69C1-044.89 và giấy Đăng ký xe mô tô mang tên Hứa Văn K, 01 điện thoại di động OPPO màu trắng, 01 Giấy phép lái xe tên Nguyễn Tấn K, 01 Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Tấn K, 01 khẩu trang màu nâu, 01 mũ bảo hiểm, 01 đôi dép quay hậu, 01 áo sơ mi dài tay và 01 quần Jaen.

Tại phiên tòa, ông Xuân xác định chiếc xe máy là tài sản chung của ông X và bà H đã mua nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên yêu cầu được nhận lại.

Bị cáo yêu cầu: Do gia đình đã bồi thường xong cho bị hại nên bị cáo đồng ý để ông Xuân nhận lại số tiền 4.800.000 đồng; bị cáo yêu cầu nhận lại 01 điện thoại di động OPPO, 01 Giấy phép lái xe và giấy Chứng minh nhân dân; các tài sản khác bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Xét thấy:

Đối với 01 khẩu trang màu nâu, 01 mũ bảo hiểm, 01 đôi dép quay hậu, 01 áo sơ mi dài tay và 01 quần Jaen là tài sản cá nhân của bị cáo sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày nhưng bị cáo không yêu cầu nhận lại. Các tài sản này đã qua sử dụng và giá trị sử dụng thấp nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy biển số 69C1-044.89 mang tên anh Hứa Văn K; anh K xác định đã bán chiếc xe này cho tiệm cầm đồ; ông Nguyễn Thanh X, bà Lê Giang H xác định đã mua chiếc xe này và không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động OPPO màu trắng, 01 Giấy phép lái xe, 01 Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Tấn K là tài sản và giấy tờ tùy thân cá nhân bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với số tiền 4.800.000 đồng: Tại phiên tòa, bị cáo và ông X thỏa thuận, do gia đình đã bồi thường xong cho bị hại nên giao cho ông X được nhận. Xét thấy, số tiền này thu giữ từ bị cáo, gia đình bị cáo đã bồi thường xong nên bị cáo sẽ nhận lại số tiền này; tuy nhiên, giữa bị cáo và ông X đã thỏa thuận để ông X nhận số tiền này, việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn K phạm tội “trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo K 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 21/4/2020.
3. Về xử lý vật chứng:
 - Tịch thu, tiêu hủy: 01 khẩu trang màu nâu, 01 mũ bảo hiểm màu xanh, có chữ “EVY”, 01 đôi dép quay hậu có chữ “TRIDO” dưới đế, 01 áo sơ mi dài tay màu xanh rêu có chữ “GOOD MEN 4XL MT”, 01 quần Jaen màu xanh xám, túi phải có kẹp, có chữ “DNM”, size 34.
 - Trả lại cho ông Nguyễn Thanh X, bà Lê Giang H 01 chiếc xe máy, biển số 69C1-044.89 và giấy Đăng ký xe mô tô mang tên Hứa Văn K.
 - Trả lại cho bị cáo K: 01 điện thoại di động OPPO màu trắng, 01 Giấy phép lái xe và 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tấn K.
 - Ông X được nhận số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

(vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi quản lý theo biên bản giao nhận ngày 13/7/2020).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và người liên quan (có mặt) có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn